

THẾ ĐẠT

**NỀN KINH TẾ
CÁC TỈNH VÙNG BIỂN
CỦA VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn

LỜI TÁC GIẢ

Vào đầu năm 2007 Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X đã thông qua nghị quyết "Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020". Đây là một định hướng chiến lược về kinh tế đúng và quan trọng.

Nghiên cứu biên soạn cuốn: "**Nền kinh tế các tỉnh vùng biển của Việt Nam**" chúng tôi mong muốn có thể đóng góp thêm những sự kiện đã diễn ra qua nhiều năm, đặc biệt là từ những năm đang còn có nhiều khó khăn, phức tạp mà các tỉnh và thành phố vùng biển của đất nước đã vươn lên đạt những kết quả đáng kể góp phần tạo nên sức mạnh nội lực vững chắc làm nên thắng lợi vẻ vang toàn diện của đất nước.

Chúng tôi đã tham khảo qua nhiều tài liệu của các ngành kinh tế - xã hội và được gặp các nhà khoa học, các nhà quản lý kinh doanh sản xuất... trao đổi nên có nhiều ý kiến đồng thuận, tin cậy. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả đã có các bài viết trên các tạp chí, báo chí hoặc qua các ý kiến từ các lần trao đổi chân tình góp vào công trình biên soạn. Tác giả chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Lao Động đã tạo điều kiện để cuốn sách này được xuất bản và sớm ra mắt bạn đọc.

THẾ ĐẠT

www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn

PHẦN MỘT

TOÀN CẢNH MÔI TRƯỜNG CỦA PHỨC HỆ SINH THÁI - KINH TẾ CÁC TỈNH VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM

Trong số 64 tỉnh và thành phố của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều tỉnh và thành phố ở vùng biển từ Bắc đến Nam theo dọc bờ biển trải dài trên 3.260 km. Những tỉnh và thành phố này trải qua trên ba mươi năm chiến đấu anh dũng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 miền Nam hoàn toàn giải phóng và thống nhất đất nước. Nước ta đã từng bước vươn lên xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững.

Trong phần này, chúng tôi xin giới thiệu những nét đặc trưng của từng tỉnh, từng thành phố trên từng vùng là vùng phía Đông Bắc của đất nước, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Nam Trung Bộ và vùng Nam Bộ. Trên vùng biển của nước Việt Nam rộng lớn có hàng nghìn hòn đảo lớn, nhỏ nằm ở ven bờ biển và ở giữa biển cả được phân bố không đều. Trên các đảo có những đồi núi, có nơi đạt độ cao trên 350 mét hoặc trên 400-500 mét so với mặt nước biển. Phần lớn các đảo lại biệt lập và có những loại đặc hữu nhạy cảm.

Tiếp giáp bờ biển phía bắc là đồng bằng sông Hồng có diện tích gần 59.000 km² và tiếp giáp bờ biển phía Nam là đồng bằng sông Cửu Long có diện tích 17.000 km². Trên hai

vùng đồng bằng của đất nước với số dân đông có truyền thống lâu đời về hoạt động sản xuất nông nghiệp cùng các hoạt động sản xuất - dịch vụ khác là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khai thác thủy hải sản, xây dựng, vận tải, thương mại, du lịch... Cũng trên vùng ven bờ biển do số dân đông, diện tích đất đai có hạn, đặc biệt diện tích vùng đất cát chạy dài theo bờ biển đã được khai thác nhưng chưa được tôn tạo bền vững. Còn giữa vùng biển khơi có một số quần đảo có diện tích thuộc chủ quyền của Việt Nam cũng đang được khai thác có hiệu quả.

I. CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ VÙNG BIỂN PHÍA ĐÔNG BẮC VIỆT NAM:

1. Tỉnh Quảng Ninh
2. Thành phố Hải Phòng
3. Tỉnh Thái Bình
4. Tỉnh Nam Định
5. Tỉnh Ninh Bình

1. Tỉnh Quảng Ninh

Là tỉnh địa đầu ở phía Đông Bắc của nước Việt Nam tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa với đường biên giới dài đến 132 km. Tỉnh Quảng Ninh có diện tích là 5.899,6 km² và số dân năm 2005 là 1.078.900 người, vừa thuộc hệ sinh thái núi rừng, vừa thuộc hệ sinh thái biển đảo và đồng bằng.

Về phía nam tỉnh Quảng Ninh tiếp giáp thành phố Hải Phòng đến 78 km; phía đông tiếp giáp vịnh Bắc Bộ với chiều dài bờ biển là 250 km; phía tây tiếp giáp vùng núi đồi của tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang và một vùng đồng bằng của tỉnh Hải Dương.

Diện tích núi đồi và rừng chiếm đến 80% diện tích của toàn tỉnh; vùng đồng bằng chỉ có 18%; diện tích còn lại 2% là vùng hải đảo và đá vôi. Phía ngoài biển khơi là hàng ngàn hòn đảo nhỏ đá vôi hoặc sa điệp thạch tạo thành bức bình phong chống gió bão biển.

Tỉnh Quảng Ninh có thành phố Hạ Long, ba thị xã là Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí và 10 huyện là Đầm Hà, Hải Hà, Vân Đồn, Tiên Yên, Bình Liêu, Ba Chẽ, Hoàn Bồ, Yên Hưng, Đông Triều và Cô Tô. Trong các huyện thì có hai huyện vùng núi là huyện Hoàn Bồ có diện tích 823,6 km² và huyện Hải Hà có 494,6 km² là có diện tích lớn hơn cả.

Trên vùng cánh cung Đông Triều gồm hai dãy núi Nam Mẫu và Bình Liêu được coi là xương sống của lãnh thổ thuộc tỉnh Quảng Ninh có vai trò quan trọng trong việc hình thành

các yếu tố tự nhiên ở hai dãy sườn Bắc - Nam. Còn giữa hai phần trên là bộ phận núi đồi thấp có các dòng sông cắt qua là vùng đồi Tiên Yên - Ba Chẽ từ Đông Triều đến thị xã Cẩm Phả có độ cao không quá 1.000 mét, trừ đỉnh Yên Tử với độ cao đến 1.068 mét và đỉnh Am Váp có độ cao 1.094 mét. Ở Bình Liêu có hòn Cao Xiêm với độ cao đến 1.330 mét; hòn Cao Đông Châu cao đến 1.089 mét, hòn Nam Châu Lành cao đến 1.506 mét đều có sườn dốc và thung lũng vừa hẹp vừa sâu.

Vùng đồi duyên hải có độ cao từ 25 đến 50 mét, nơi rộng cũng chỉ khoảng 15 đến 20km theo dọc bờ biển từ thị xã Móng Cái đến thị xã Cẩm Phả. Vùng biển của tỉnh Quảng Ninh rộng đến 6.000 km² có trên 3.000 hòn đảo lớn nhỏ. Các hòn đảo lớn có Cái Bàu, Cái Chiên, Vĩnh Thực, Ngọc Vũng, Vạn Vược, Cô Tô. Còn các núi đá trên đảo có độ cao trung bình từ 150 đến 200 mét, trong đó đỉnh cao nhất là núi Nàng Tiên trên đảo Cái Bàu cao đến 470 mét. Hàng nghìn đảo nhỏ được xếp thành hai dãy nối đuôi nhau từ núi Ngọc đến nam Vịnh Hạ Long là vùng vaster có vách đá dốc đứng sắc nhọn với nhiều hang động.

Trên đường bờ biển dài của tỉnh Quảng Ninh có bãi biển Trà Cổ dài trên 15km là bãi biển đẹp; bãi biển đảo Tuần Châu gần thành phố Hạ Long được đầu tư nâng cấp cùng một số bãi biển rải rác từ phía bắc xuống phía nam.

Tỉnh Quảng Ninh vốn là vùng đất cổ với một số di tích khảo cổ ở Cửa Lục, ở Tấn Mài và ở một số đảo thuộc sơ kỳ đồ đá cũ có sự thay đổi qua các thời kỳ lịch sử với tên địa danh có khác nhau.

Từ đời vua Minh Mạng của nhà Nguyễn thế kỷ thứ XVIII vùng đất Quảng Ninh gồm hai tỉnh là Quảng Yên và Hải Ninh. Trước năm 1947 vùng miền đông của Quảng Ninh gọi là Hải Ninh; còn vùng miền tây là tỉnh Quảng Yên và đặc khu Hòn Gai. Tháng 3 năm 1947 tỉnh Quảng Yên và đặc khu Hòn Gai hợp nhất với nhau thành tỉnh Quảng Hồng. Tháng 12 năm 1948 trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp tỉnh Quảng Hồng được tách thành hai tỉnh là tỉnh Quảng Yên và tỉnh Hòn Gai. Năm 1955 hai tỉnh nói trên được hợp nhất thành tỉnh Quảng Hồng. Các huyện Chí Linh, Nam Sách, Kinh Môn và Đông Triều được trả về tỉnh Hải Dương; các huyện Cát Bà, Cát Hải, Thủy Nguyên được sáp nhập vào thành phố Hải Phòng. Đầu thập kỷ 60 Đông Triều lại nhập về Hồng Quảng. Đến năm 1969 Hồng Quảng và Hải Ninh được nhập thành tỉnh mới và được Hồ Chủ tịch đặt tên là tỉnh Quảng Ninh.

Về tài nguyên khoáng sản tỉnh Quảng Ninh được phát hiện sớm từ những năm đầu của thế kỷ thứ XIX gồm có than, quặng sắt, ti-tan, ăng-ti-moan, đá chứa dầu, các loại vật liệu xây dựng v.v... Riêng về than được đánh giá là bể than lớn nhất của cả nước với trữ lượng trên 12 tỷ tấn chiếm đến 90% trữ lượng than của cả nước hình thành một dải không liên tục từ Đông Triều, Mạo Khê, Uông Bí, Hòn Gai, Cẩm Phả, Cái Bàu với độ dày của tầng chứa có nơi là 2.000 mét đạt chất lượng tốt, có nhiệt lượng cao và ở nhiều vùng lộ thiên rất thuận tiện cho việc khai thác.

Về khoáng sản khác có sắt ở Cái Bàu, Hoàn Bồ; ăng-ti-moan ở Ba Chẽ; ti-tan ở Móng Cái; đồng, kẽm, chì, vàng, thủy